

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2013

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÊ THỊ THU THỦY

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin Thư viện - Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	i
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM	6
1.1. Khái niệm và đặc điểm Quỹ đầu tư chứng khoán	6
1.1.1. Khái niệm Quỹ đầu tư chứng khoán.....	6
1.1.2. Đặc điểm Quỹ đầu tư chứng khoán.....	8
1.2. Vai trò của Quỹ đầu tư chứng khoán	10
1.2.1. Đối với Nhà đầu tư.....	10
1.2.2. Đối với Doanh nghiệp.....	13
1.2.3. Đối với thị trường chứng khoán.....	13
1.2.4. Đối với nền kinh tế	14
1.3. Phân loại Quỹ đầu tư chứng khoán	15
1.3.1. Căn cứ theo mục đích đầu tư.....	15
1.3.2. Căn cứ theo cơ cấu huy động vốn	16
1.3.3. Căn cứ theo đối tượng đầu tư.....	19
1.3.4. Căn cứ theo cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hoạt động quỹ .	23
1.3.5. Căn cứ theo vùng, lãnh thổ đầu tư.....	24
1.3.6. Căn cứ theo quyền sở hữu.....	26
1.4. Hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	27
1.4.1. Khái niệm và đặc điểm hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	27
1.4.2. Các loại hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	30
1.4.3. Những rủi ro tác động tới hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	33
Kết luận chương 1	35
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM	36
2.1. Chủ thể tham gia hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	36
2.1.1. Nhà đầu tư.....	36
2.1.2. Quỹ đầu tư chứng khoán	37
2.1.3. Công ty quản lý quỹ	38
2.1.4. Các chuyên gia đầu tư hay các nhà tư vấn đầu tư	41
2.1.5. Nhà bảo lãnh phát hành.....	41

2.2. Hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	41
2.2.1. Hoạt động huy động vốn	41
2.2.2. Hoạt động đầu tư.....	43
2.2.3. Hoạt động cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	46
2.3. Vi phạm, chế tài xử lý vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	46
2.3.1. Các hành vi vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	46
2.3.2. Chế tài xử lý vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	50
2.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	55
2.5. Những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	60
2.5.1. Những ưu điểm của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán.....	61
2.5.2. Những hạn chế của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán và nguyên nhân của những hạn chế	65
Kết luận chương 2	71
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM	72
3.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	72
3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	74
3.3. Các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán	81
3.3.1. Về hoạt động huy động vốn.....	81
3.3.2. Về hoạt động đầu tư.....	86
3.3.3. Về hoạt động cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư	87
3.3.4. Các giải pháp khác.....	88
Kết luận chương 3	90
KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động QĐTCK trên TTCK đối với nền kinh tế Việt Nam, xuất phát từ yêu cầu bức thiết phải hình thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, cũng như mong muốn làm rõ các chính sách pháp luật, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động các QĐTCK trên TTCK Việt Nam là hết sức cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc thúc đẩy sự phát triển của TTCK Việt Nam. Do đó, tôi chọn đề tài **“Pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam”** làm Luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Một số nghiên cứu về hoạt động của các Quỹ đầu tư mạo hiểm nước ngoài ở Việt Nam trong thập niên 1990 như: “Tổng quan các Quỹ đầu tư ở Việt Nam” của Bean Stens năm 1997, “Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam – một nghiên cứu sơ bộ” của Adam Sack và John McKenzie thuộc chương trình phát triển kinh tế tư nhân MPDF năm 1998. Bên cạnh đó có một số nghiên cứu chuyên sâu về QĐTCK trong nước như “Kinh nghiệm phát triển Quỹ đầu tư” của PGS.TS Lê Thị Thu Thủy năm 2012, “Quỹ đầu tư chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong thị trường chứng khoán” của PGS.TS Lê Hồng Hạnh – Tạp chí Luật học số 6/1998 và một số ít các chuyên đề nghiên cứu, luận văn Thạc sỹ... khác về QĐTCK như “Tìm hiểu hoạt động các Quỹ đầu tư tại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp” của Châu Thiên Trúc Quỳnh năm 2006, “Đánh giá hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam” của Mai Phụng Chiêu năm 2011.

Tuy nhiên các công trình luận văn Thạc sỹ này mới chỉ dừng lại ở những phân tích, đánh giá dưới góc độ kinh tế - tài chính ngân hàng với những giải pháp kinh tế chuyên sâu mà chưa giải quyết được một cách cụ thể và thấu đáo những vấn đề cần được khắc phục, giải quyết và

hoàn thiện trong pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam. Đây chính là nội dung chính mà tôi tập trung nghiên cứu trong luận văn Thạc sỹ của mình.

3. Mục đích, phạm vi nghiên cứu

❖ Mục đích nghiên cứu của đề tài: phân tích những vấn đề lý luận về hoạt động của các QĐTCK, phân tích thực trạng hoạt động của các QĐT trong và ngoài nước trên TTCK Việt Nam dưới góc độ pháp luật. Cùng với đó là xem xét và đánh giá về thực trạng pháp luật, những mặt tích cực và hạn chế của pháp luật về hoạt động của các QĐTCK. Từ đó, đề ra giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động QĐTCK cũng như nâng cao vai trò của các QĐTCK trên TTCK Việt Nam.

❖ Phạm vi đề tài: các quy định pháp luật về hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam. Tôi tập trung nghiên cứu hoạt động của QĐTCK dưới góc độ pháp luật, những quy định của pháp luật về vấn đề này cũng như việc thực thi các quy định đó trong thực tiễn áp dụng. Từ đó đưa ra những phương hướng cũng như các biện pháp hoàn thiện khung pháp lý góp phần phát triển các QĐTCK của Việt Nam trong thời gian tới.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu và hoàn thiện trên cơ sở phương pháp chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ngoài ra có sự kết hợp với một số phương pháp khác như: phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp; phương pháp liên hệ, so sánh; phương pháp logic học và các phương pháp khoa học khác nhằm làm sáng tỏ hơn nữa các vấn đề được đặt ra trong luận văn Thạc sỹ này.

5. Những đóng góp mới về khoa học của Luận văn

Về lý luận: trên cơ sở tổng quan có chọn lọc một số quan điểm cơ bản của các nhà kinh tế học trên thế giới, một số Tổ chức quốc tế và một số học giả của Việt Nam, cũng như các luật gia nổi tiếng kết hợp những kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn, tôi đã làm rõ những khái niệm, định nghĩa, vai trò, cơ cấu tổ chức, cách phân loại QĐTCK, cũng như làm rõ hoạt động của QĐTCK dưới góc độ pháp lý. Từ đó có đề xuất,

kiến nghị những phương hướng, giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam.

Về đánh giá thực tiễn: trên cơ sở những nghiên cứu, đánh giá của cá nhân tôi cũng như tham khảo và chọn lọc nhiều nguồn tài liệu tham khảo khác, Luận văn đã trình bày tổng quan thực trạng pháp luật về hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam, phân tích những ưu điểm – hạn chế và tìm ra những nguyên nhân chủ yếu của hệ thống pháp luật về vấn đề này.

Về đề xuất chính sách: Luận văn đã chỉ ra những nội dung cơ bản cần phải hoàn thiện, từ đó đề xuất những định hướng, quan điểm cơ bản, các giải pháp chủ yếu để hoàn thiện hệ thống pháp luật về hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam. Các giải pháp này có giá trị tham khảo tốt trong xây dựng, hoạch định và triển khai các chính sách pháp luật cũng như việc thực thi chúng trong thực tiễn áp dụng.

Với việc nghiên cứu đề tài **“Pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam”**, tôi hy vọng sẽ đóng góp được một phần nhỏ nào đó hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về hoạt động QĐTCK ở Việt Nam, khắc phục và hoàn thiện những nhược điểm, phát huy những ưu điểm, để từ đó nhìn nhận và đánh giá đúng được vai trò của pháp luật về hoạt động QĐTCK trong giai đoạn sắp tới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Các QĐTCK được quản lý bởi những NĐT giàu kinh nghiệm, có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có trình độ chuyên môn cao, đây được xem như một trong những phương thức đầu tư mới hiệu quả hơn so với các phương thức đầu tư truyền thống. Các QĐTCK với nhiệm vụ của nhà tạo lập thị trường không những góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mà còn là công cụ giảm thiểu rủi ro tốt nhất cho các NĐT. Vì vậy, nâng cao vai trò của pháp luật QĐTCK có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc cho sự phát triển của TTCK Việt Nam trong tương lai.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và đặc điểm Quỹ đầu tư chứng khoán

1.1.1. Khái niệm Quỹ đầu tư chứng khoán

Theo Luật Chứng khoán của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, QĐTCK là quỹ hình thành từ vốn góp của NĐTCK với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản, trong đó NĐT không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ. Khi tham gia vào quỹ, các NĐT sẽ nhận được CCQ là loại chứng khoán do CTQLQ đại diện phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT đối với tài sản hoặc vốn của quỹ theo tỷ lệ đầu tư ứng với số đơn vị quỹ của NĐT đó trong vốn điều lệ quỹ [36].

1.1.2. Đặc điểm Quỹ đầu tư chứng khoán

Thứ nhất, bản thân QĐTCK chỉ thể hiện một lượng tiền do các NĐT đóng góp chứ không phải là một pháp nhân, không có tổ chức bộ máy riêng.

Thứ hai, chứng khoán được phát hành để huy động vốn thành lập quỹ không phải là cổ phiếu mà là CCQ hưởng lợi cho phép NĐT sở hữu chứng khoán được hưởng một phần thu nhập từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn mà họ đã đầu tư vào quỹ.

Thứ ba, những NĐT đầu tư vào QĐTCK không phải là cổ đông mà chỉ là những người hưởng lợi từ hoạt động của quỹ.

Thứ tư, QĐTCK luôn dành đa số vốn đầu tư của quỹ để đầu tư vào chứng khoán.

Thứ năm, QĐTCK được quản lý và đầu tư một cách chuyên nghiệp bởi CTQLQ.

Thứ sáu, QĐTCK có tài sản độc lập với tài sản của CTQLQ và các quỹ khác do công ty này quản lý.

1.2. Vai trò của Quỹ đầu tư chứng khoán

1.2.1. Đối với Nhà đầu tư

Thứ nhất, đầu tư tập thể cho phép NĐT có thể tham gia đầu tư vào nhiều loại thị trường với chủng loại hàng hóa khác nhau, từ đó đa dạng hóa DMĐT và giảm thiểu rủi ro.

Thứ hai, đầu tư tập thể giúp các NĐT có được quyết định đầu tư đúng đắn. Dù được tiến hành thông qua QĐTCK, thì điều là hoạt động đầu tư mang tính chuyên nghiệp của những NĐT có tổ chức.

Thứ ba, tăng tính chuyên nghiệp trong quản lý và đầu tư.

Thứ tư, giảm thiểu chi phí do lợi ích về quy mô.

Thứ năm, tăng tính thanh khoản cho tài sản đầu tư.

Thứ sáu, thua lỗ liên tiếp cho NĐT, NĐT có thể mua hoặc bán CCQĐT trực tiếp hoặc thông qua môi giới, trung gian.

1.2.2. Đối với Doanh nghiệp

Thứ nhất, nhận được nguồn vốn với chi phí huy động thấp.

Thứ hai, QĐT cung cấp các thông tin tài chính, tu vấn kế hoạch tài chính, marketing và các mối quan hệ với các tổ chức tài chính, doanh nghiệp khác.

Thứ ba, tiếp cận nguồn tài chính dài hạn, lợi ích này thu được do sự kết hợp các công cụ huy động vốn của quỹ.

1.2.3. Đối với thị trường chứng khoán

QĐTCK góp phần vào sự phát triển của TTCK sơ cấp và ổn định TTCK thứ cấp. Các quỹ tham gia bảo lãnh phát hành TPCP và trái phiếu doanh nghiệp, phát hành CCQĐT làm tăng lượng cung chứng khoán trên TTCK, tạo sự đa dạng về hàng hoá cho thị trường.

1.2.4. Đối với nền kinh tế

Thứ nhất, quỹ góp phần huy động vốn cho việc phát triển nền kinh tế nói chung và sự phát triển của TTCK sơ cấp.

Thứ hai, bằng việc tiếp cận với những nguồn thông tin đa dạng cộng với chiến lược đầu tư khoa học trong hoạt động của QĐT khiến cho nguồn vốn đầu tư gián tiếp của quỹ trở nên an toàn hơn.

Thứ ba, hoạt động của QĐT tăng cường khả năng huy động vốn ngoại.

1.3. Phân loại Quỹ đầu tư chứng khoán

1.3.1. Căn cứ theo mục đích đầu tư

- Quỹ thu nhập (Income Fund)
- Quỹ tăng trưởng – thu nhập (Growth – Income Fund)
- Quỹ tăng trưởng (Growth Fund)

1.3.2. Căn cứ theo cơ cấu huy động vốn

- Quỹ đầu tư dạng mở (Open-End Fund)
- Quỹ đầu tư dạng đóng (Closed-End Fund)

1.3.3. Căn cứ theo đối tượng đầu tư

- Quỹ đầu tư cổ phiếu (Stock Fund)
- Quỹ đầu tư trái phiếu và thu nhập (Bond and Income Fund)
- Quỹ đầu tư thị trường tiền tệ (Money Market Fund)
- Một số quỹ đầu tư khác

1.3.4. Căn cứ theo cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hoạt động quỹ

- Quỹ đầu tư theo mô hình công ty (Corporate)
- Quỹ đầu tư theo mô hình tín thác (Contractual)

1.3.5. Căn cứ theo vùng, lãnh thổ đầu tư

- Quỹ đầu tư quốc tế
- Quỹ đầu tư toàn cầu
- Quỹ đầu tư khu vực
- Quỹ đầu tư quốc gia

1.3.6. Căn cứ theo quyền sở hữu

- Quỹ đầu tư cổ phần (Joint Stock Investment fund)
- Quỹ đầu tư Nhà nước (State – Owned Investment Fund)

1.4. Hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

1.4.1. Khái niệm và đặc điểm hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Khái niệm hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Là hình thức chung vốn đầu tư nhằm tăng tính chuyên nghiệp của hoạt động, QĐTCK được thành lập dưới nhiều hình thức. Pháp luật quy định QĐTCK được phép hoạt động những hoạt động sau đây: hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư, hoạt động cung cấp thông tin cho NĐT.

Đặc điểm hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Đặc điểm hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam được thể hiện qua những nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc huy động vốn;
- Nguyên tắc bảo quản tài sản và giám sát tài sản của quỹ;
- Nguyên tắc định giá phát hành và mua lại chứng chỉ của quỹ;
- Nguyên tắc cung cấp thông tin cho NĐT;
- Nguyên tắc hạn chế một số giao dịch liên quan đến tài sản của quỹ.

1.4.2. Các loại hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Hoạt động huy động vốn từ NĐT

- Phát hành CCQ và niêm yết trong nu□ớc.
- Phát hành CCQ và niêm yết tại nu□ớc ngoài.

Hoạt động đa dạng hoá DMĐT

Cơ□ cấu DMĐT của quỹ đóng đư□ợc CTQLQ thiết lạ□p trên cơ□ sở các điều khoản đã quy định rõ tại Điều lệ□ quỹ và Bản cáo bạch để đa dạng hóa DMĐT nhằm giảm thiểu rủi ro. Quỹ đóng đư□ợc phép đầu tu□ vào các loại tài sản tài chính theo luật định.

1.4.3. Những rủi ro tác tác động tới hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Khi đầu tư vào QĐTCK, NĐT nên quan tâm đến các rủi ro về thị tru□ờng, lãi suất, lạm phát, mất khả na□ng thanh toán của tổ chức phát hành trái phiếu/công cụ nợ, thiếu tính thanh khoản, pháp lý, xung đọ□t lợi ích,...

Kết luận chương 1

QĐTCK là một hình thức đầu tư không thể thiếu của TTCK. Trước những biến động bất thường về giá cổ phiếu, nhiều ý kiến cho rằng TTCK Việt Nam chưa có các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp đứng ra làm định hướng trong hoạt động đầu tư. Một trong các NĐT có tổ chức mang tính chuyên nghiệp cao đó là QĐTCK. QĐTCK tham gia thị trường với hai tư cách: tư cách là tổ chức phát hành, phát hành ra các CCQĐT để thu hút vốn và tư cách là tổ chức đầu tư dùng tiền thu hút được để ĐTCK. Trên thế giới hiện nay có khoảng hàng chục nghìn QĐT đang hoạt động cung cấp cho các NĐT. Nhờ đó mà tỷ trọng tham gia TTCK của các quỹ ngày càng tăng so với NĐT cá nhân. QĐTCK đã thực sự trở thành một định chế tài chính trung gian ưu việt trên TTCK, làm cho thị trường phát triển, nhất là trong giai đoạn đầu hình thành vì sự có mặt của nó sẽ tạo cho công chúng thói quen đầu tư. Chính vì vậy, việc tìm ra các giải pháp để thu hút rộng rãi công chúng tham gia đầu tư, tăng quy mô vốn thị trường thông qua tạo lập các QĐTCK là rất cần thiết. Xuất phát từ các lợi ích mà QĐTCK mang lại cho các NĐT công chúng, việc nghiên cứu để có những chính sách, những quy định về pháp luật, những biện pháp hữu hiệu thúc đẩy phát triển, hoàn thiện QĐTCK ở Việt Nam sẽ góp phần thiết thực tìm ra các giải pháp trên. Sự phát triển của QĐTCK sẽ hỗ trợ cho sự phát triển của TTCK trong tương lai để TTCK Việt Nam phát huy được vai trò thực sự trong việc chuyển tiết kiệm trong nền kinh tế thành đầu tư, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Chương 1 của luận văn Thạc sỹ là những trình bày về kiến thức lý luận, những vấn đề cơ bản của QĐTCK về khái niệm, đặc điểm, vai trò, các căn cứ phân loại và các hoạt động cụ thể của QĐTCK ở Việt Nam.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

2.1. Chủ thể tham gia hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

2.1.1. Nhà đầu tư

NĐT ở đây được hiểu là những người góp vốn đầu tư vào QĐTCK bằng cách mua CCQ thụ hưởng hay cổ phần của quỹ. Họ có quyền được chia cổ tức và các thu nhập khác từ hoạt động đầu tư của quỹ theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thoả thuận với CTQLQ.

2.1.2. Quỹ đầu tư chứng khoán

QĐTCK được quỹ hình thành từ vốn góp của NĐTCK với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản, trong đó NĐT không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.

2.1.3. Công ty quản lý quỹ

CTQLQ là công ty chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của quỹ, thực chất là quản lý danh mục chứng khoán theo mục tiêu đầu tư đã định trước, thường ghi rõ trong Bản cáo bạch đã phát hành và Điều lệ của quỹ.

2.1.4. Các chuyên gia đầu tư hay các nhà tư vấn đầu tư

Các chuyên gia đầu tư hay các nhà tư vấn đầu tư có trách nhiệm lựa chọn DMĐT thích hợp theo chính sách và mục tiêu của quỹ, nghiên cứu, phân tích tài chính và xu hướng kinh tế, quyết định thời gian đầu tư thích hợp.

2.1.5. Nhà bảo lãnh phát hành

Việc phát hành cổ phiếu của quỹ thường được các nhà bảo lãnh thực hiện trên cơ sở huy động vốn tối đa cho quỹ với những điều kiện thuận lợi nhất. Các phương pháp bảo lãnh, phí bảo lãnh, trách

nhệm và quyền lợi của hai bên được quy định trong hợp đồng đã ký kết.

2.2. Hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

2.2.1. Hoạt động huy động vốn

Phương thức phát hành

Khi phát hành chứng khoán, QĐT được phép quảng cáo để thu hút vốn, trong đó nói rõ mục đích đầu tư của quỹ mà không được phép cam kết về lợi nhuận thu được. Có 2 cách thức phát hành:

- Có thể huy động vốn thông qua các đợt phát hành riêng lẻ cho nhóm nhỏ các NĐT.
- Các quỹ niêm yết và bán công khai chứng khoán cho các NĐT riêng lẻ hoặc tổ chức đầu tư thông qua người bảo lãnh.

Định giá chứng khoán phát hành

Việc định giá cổ phiếu/CCQĐT lần đầu để lập nên quỹ do các tổ chức đứng ra thành lập quỹ xác định. Đối với QĐT theo mô hình công ty, việc xác định giá cổ phiếu quỹ là do các tổ chức bảo lãnh phát hành xác định. Đối với QĐT dạng hợp đồng, CTQLQ sẽ xác định giá chào bán ban đầu các CCQĐT của quỹ.

Phương thức chào bán

Về cơ bản, có 02 phương thức chào bán:

- Chào bán qua các tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Chào bán trực tiếp từ quỹ hoặc CTQLQ.

2.2.2. Hoạt động đầu tư

Với tư cách NĐT chuyên nghiệp, QĐTCK có khả năng tìm kiếm các cơ hội đầu tư một cách sáng suốt. Điều này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng trong việc dẫn dắt các NĐT cá nhân, thiếu kiến thức và kinh nghiệm đầu tư.

Về quy trình đầu tư:

Đối với quỹ du □ ợc phát hành lần đầu ra công chúng

Trong thời gian quỹ được CTQLQ phát hành lần đầu ra công chúng, NĐT có nguyện vọng tham gia góp vốn vào quỹ thực hiện theo các bước cơ bản như sau:

- Bước 1: Nghiên cứu tài liệu;
- Bước 2: Nhận tiền vốn;
- Bước 3: Đăng ký tham gia đầu tư;
- Bước 4: Thanh toán;
- Bước 5: Nhận Giấy xác nhận sở hữu.

Đối với quỹ niêm yết và giao dịch tại SGDCK

CCQ sau khi được cấp phép niêm yết từ SGDCK sẽ giao dịch tại SGDCK, vì vậy NĐT thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1: Mở tài khoản;
- Bước 2: Nghiên cứu tài liệu;
- Bước 3: Nhận tiền vốn;
- Bước 4: Chuyển tiền và đặt lệnh mua;
- Bước 5: Sở hữu CCQ.

2.2.3. Hoạt động cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

Việc cung cấp thông tin phải tuân thủ theo yêu cầu của Cơ quan Quản lý Nhà nước quy định và do HĐQT (trong mô hình công ty) hoặc CTQLQ (trong mô hình quỹ dạng hợp đồng) thực hiện. Nội dung công bố thông tin bao gồm các báo cáo tài chính, tình hình tài chính, các báo cáo của CTQLQ...

Hình thức công bố thông tin thường là sử dụng các báo cáo của CTQLQ hoặc HĐQT của quỹ gửi cho người hưởng lợi hoặc cổ đông của quỹ. Ngoài ra, thông tin còn được công bố tại trụ sở các CTQLQ hoặc tại các đại lý của công ty. Tại các nước có ngành QĐT phát triển thì thông tin được công bố trên các tạp chí tài chính hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

2.3. Vi phạm, chế tài xử lý vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

2.3.1. Các hành vi vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Thứ nhất, lập hồ sơ đăng ký giả mạo để phát hành chứng khoán gây hậu quả nghiêm trọng.

Thứ hai, vi phạm về tuân thủ chế độ Báo cáo, chậm nộp Báo cáo gây hậu quả nghiêm trọng.

Thứ ba, vi phạm về thực hiện lưu ký tài sản của khách hàng tại NHLK.

Thứ tư, vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán gây hậu quả nghiêm trọng như: vi phạm về đảm bảo tính minh bạch trên thị trường, cung cấp, tiết lộ, sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán hoặc đề nghị người khác mua, bán chứng khoán; thực hiện hành vi gian lận, lừa đảo, cung cấp tài liệu giả, làm giả, làm sai lệch hoặc tiêu hủy tài liệu giao dịch để lừa đảo, dụ dỗ khách hàng mua, bán chứng khoán; làm giả chứng khoán, lưu hành chứng khoán giả...

Thứ năm, vi phạm về công bố thông tin, cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc tạo dựng, tuyên truyền thông tin sai sự thật để trục lợi gây ảnh hưởng đến TTCK, gây lũng đoạn thị trường giao dịch chứng khoán gây hậu quả nghiêm trọng.

2.3.2. Chế tài xử lý vi phạm trong hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Chế tài hành chính

Những văn bản pháp lý chuyên ngành xử lý vi phạm trên TTCK đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động của thị trường và đảm bảo những thuộc tính của văn bản pháp quy. Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 gồm có 4 Chương, 45 Điều quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử

phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK. Nghị định này có hiệu lực thi hành ngày 15/11/2013 và thay thế Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02/8/2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.

Chế tài hình sự

Bộ luật Hình sự nước ta vẫn chưa quy định một cách đầy đủ các tội danh của loại tội phạm chứng khoán. Hơn nữa, những tội danh mà Bộ luật Hình sự đã quy định thì chưa xác định được những cấu thành tội phạm cụ thể. Các tội phạm về chứng khoán có thể bị xử lý về hình sự khi những tội đó được quy định trong Bộ luật Hình sự trong khi Bộ luật Hình sự Việt Nam chưa quy định các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK. Tuy nhiên, để đảm bảo mọi nguyên tắc mọi HVVP có đủ yếu tố cấu thành tội phạm đều bị áp dụng các hình phạt hình sự được pháp luật quy định, việc xử lý hình sự đối với chủ thể thực hiện HVVP nghiêm trọng các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán được căn cứ trên cơ sở một số tội danh có các yếu tố cấu thành mang tính tương đồng

Chế tài dân sự

Chế tài dân sự trong lĩnh vực chứng khoán là việc các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK phải gánh chịu trách nhiệm pháp luật dân sự do có những hành vi trái pháp luật, có lỗi, xâm hại tới quan hệ về tài sản giữa các chủ thể. Các chế tài xử lý cụ thể như: buộc thực hiện đúng hợp đồng, phạt vi phạm, buộc bồi thường thiệt hại, tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng, hủy bỏ thực hiện hợp đồng và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật dân sự.

2.4. Thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Bên cạnh sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các VBQLPL liên quan thì thời gian vừa qua Thông tư 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên đã giải đáp khó khăn, vướng mắc về thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên...

Thông tư 224/2012/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2013, đồng thời thay thế Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 5/6/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Thông tư được áp dụng cho các đối tượng là CTQLQ, NHLK, NHGS; TTLKCK; SGDCK; ban đại diện quỹ, thành viên ban đại diện quỹ và các NĐT của quỹ; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

UBCKNN quyết liệt trong XLVP trên TTCK nhằm tạo niềm tin cho NĐT. Các vi phạm chủ yếu tập trung về chế độ báo cáo; công bố thông tin; vi phạm về báo cáo giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn; hành vi thao túng cổ phiếu; hoạt động không đúng nội dung quy định quy định trong giấy phép... Trong thời gian qua, công tác giám sát, thanh tra và XLVP trên thị TTCK tiếp tục được tăng cường, đảm bảo nâng cao tính công bằng, minh bạch. UBCKNN tiếp tục tăng cường giám sát thông qua tin đồn, báo cáo và kiểm tra trực tiếp, phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, đặc biệt là các trường hợp vi phạm các quy định về giao dịch của các CTCK và các tổ chức, cá nhân có hành vi làm giá, thao túng thị trường; thanh tra và xử lý dứt điểm các vụ thao túng, nội gián, giả mạo hồ sơ.

2.5. Những ưu điểm, hạn chế của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

2.5.1. Những ưu điểm của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Thứ nhất, môi trường pháp lý về đầu tư đã có những cải cách đáng kể nhằm tạo một hành lang pháp lý thông thoáng cho NĐT trong và ngoài nước, đồng thời dần dần tiến tới phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, các quy định pháp lý cho phép quỹ đóng hiện nay được chuyển đổi sang quỹ mở.

Thứ ba, SGDC Hà Nội đã hoàn thiện dự thảo Quy chế tổ chức và quản lý giao dịch chứng chỉ quỹ ETF để trình UBCK và Bộ Tài chính trong quý IV/2013.

Thứ tư, khi đầu tư vào Việt Nam các QĐT nước ngoài tận dụng được nhiều thuận lợi hơn.

Thứ năm, việc đẩy mạnh chính sách cổ phần hoá của Việt Nam tạo ra lượng hàng hoá dồi dào cho QĐTCK lựa chọn đầu tư.

2.5.2. Những hạn chế của pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán và nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế của pháp luật về hoạt động của QĐTCK

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về hoạt động của QĐTCK chưa chặt chẽ và còn sự phân biệt không thoả đáng về nguồn vốn trong và ngoài nước, chưa có quy chế về thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện CTQLQ, hệ thống kế toán cho việc hạch toán kế toán của QĐT còn thiếu...

Thứ hai, quỹ thành viên được hiểu là quỹ thành lập dựa trên ý chí của các thành viên về mục tiêu, chính sách đầu tư cũng như các điều kiện và điều khoản khác.

Thứ ba, về chính sách thu hút đầu tư. Các nhà quản lý đang dần hoàn thiện, cải cách chính sách thông thoáng để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài nhưng vẫn chưa thực sự triệt để. NĐT nước ngoài còn phải đối mặt với nhiều khó khăn.

Thứ tư, một trong những chính sách ít được thúc đẩy nhất là chính sách thuế trong lĩnh vực chứng khoán.

Thứ năm, chính sách vĩ mô của Việt Nam vẫn còn bất cập, TTCK không ổn định và tăng trưởng kinh tế khu vực đang đi xuống.

Nguyên nhân những hạn chế của pháp luật về hoạt động của QĐTCK

Thứ nhất, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn chưa đồng bộ, thiếu tính thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện.

Thứ hai, mục tiêu chủ yếu của việc thành lập quỹ thành viên là để thực hiện các hoạt động đầu tư có tính chất tương đối mạo hiểm. Các hoạt động đầu tư này có thể mang lại khoản lợi nhuận tiềm năng rất cao tuy nhiên cũng chứa đựng những rủi ro rất lớn.

Thứ ba, chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài trở nên khó khăn do hiện nay Việt Nam đang phải chọn lựa những dự án đầu tư có công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, ít ô nhiễm môi trường. Cơ sở hạ tầng Việt Nam chưa tốt, thủ tục hành chính chưa được cải thiện đã khiến môi trường đầu tư của Việt Nam bị giảm sút.

Thứ tư, do tính chất thiếu đồng bộ giữa các hệ thống văn bản pháp luật hiện nay nên nhiều quy định về chính sách ưu đãi thuế ngoài việc được quy định tại các văn bản chuyên ngành thì còn được quy định ở nhiều hệ thống văn bản khác.

Thứ năm, trong suốt gần thập kỷ qua, kinh tế vĩ mô Việt Nam luôn trong tình trạng bất ổn. Sự mất cân đối giữa tiết kiệm và đầu tư lâu nay đã đẩy nền kinh tế luôn phải đối mặt với tình trạng thâm hụt cán cân thương mại, thâm hụt ngân sách Nhà nước và nợ công tăng mạnh.

Kết luận chương 2

QĐTCK là một chủ thể đầu tư rất phổ biến ở các nước có TTCK phát triển. Theo thống kê của Viện nghiên cứu công ty đầu tư của Mỹ (Investment Company Institute-ICI), trên một nửa dân số Mỹ có tài khoản đầu tư vào CCQ các QĐT. Điều đó cho thấy rằng QĐT là một công cụ đầu tư rất được ưa chuộng. Để đánh giá kết quả hoạt động của QĐTCK; tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá là liệu quỹ đó có đáp ứng được mục tiêu đầu tư của mình hay không. Mỗi NĐT khi đầu tư vào quỹ đều có những mục tiêu đầu tư khác nhau, nhưng lý do quan trọng nhất là họ có thể nhận được lợi nhuận càng cao càng tốt bằng việc nhận cổ tức, hay giá trị tài sản đầu tư gia tăng hay cả hai.

Mặc dù có trình độ phát triển khác nhau giữa các nước, QĐTCK đã và đang trở thành một kênh huy động vốn đầu tư quan trọng cho nền kinh tế. Việt Nam là một nước đi sau với một TTCK mới được hình thành và còn rất nhỏ bé. Tuy nhiên, trong xu thế đón đầu và hội nhập, chúng ta có thể nhanh chóng học hỏi kinh nghiệm các nước đi trước trên thế giới và khu vực, qua đó đẩy nhanh quá trình phát triển của ngành QĐTCK nói riêng và TTCK nói chung.

Chương 2 của luận văn Thạc sỹ tập trung vào những luận điểm chính về thực trạng pháp luật về hoạt động của QĐTCK; những ưu điểm & hạn chế; hành vi vi phạm & chế tài xử lý trong pháp luật về hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

3.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Để phát triển bền vững TTCK thì việc hoàn thiện khung pháp lý là điều kiện tiên quyết. TTCK chỉ có thể phát triển nếu quốc gia đó ban hành được một hệ thống văn bản pháp lý đầy đủ, đồng bộ, có tính tiên liệu và hiệu lực pháp lý cao, ổn định trong thời gian dài. Theo IOSCO (Tổ chức các UBCK quốc tế) thì mục tiêu điều chỉnh pháp luật đối với TTCK là “bảo vệ NĐT, bảo đảm thị trường công bằng, hiệu quả và minh bạch, giảm thiểu rủi ro hệ thống”. Có thể nói các QĐTCK không thể vận hành và phát triển mạnh nếu không có một khuôn khổ pháp lý cần thiết cho tổ chức và hoạt động của nó. Trong việc đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của QĐTCK thì yếu tố đầu tiên là môi trường pháp lý, yếu tố thứ hai là hàng hoá trên thị trường và tiếp theo là tình hình chính trị và sự hiểu biết của công chúng về chứng khoán.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

Thứ nhất, pháp luật về hoạt động của QĐTCK phải đồng bộ với hệ thống pháp luật chứng khoán nói riêng và toàn bộ hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung, đồng thời phải tương thích với chuẩn mực quốc tế và tiếp thu những nhân tố hợp lý của pháp luật nước ngoài. Bên cạnh đó, cần rà soát, đánh giá toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật chứng khoán nói chung và văn bản pháp luật QĐTCK nói riêng một cách nghiêm túc.

Thứ hai, pháp luật về hoạt động của QĐTCK cần bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả và công bằng.

Thứ ba, pháp luật về hoạt động của QĐTCK phải là công cụ hữu hiệu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của NĐT.

Thứ tư, pháp luật về hoạt động của QĐTCK phải có khả năng ngăn ngừa và kiểm soát được rủi ro hệ thống.

3.3. Các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán

3.3.1. Về hoạt động huy động vốn

Thứ nhất, nhằm tạo điều kiện thu hút nhiều vốn để thành lập nhiều QĐT, TTCK ở Việt Nam cần có những quy định ưu đãi về thuế đối với tổ chức, cá nhân khi đầu tư vào quỹ hơn hình thức đầu tư trực tiếp.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam cần xây dựng một chính sách quy định rõ ràng về tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN trong các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực bao gồm cả các doanh nghiệp niêm yết và không niêm yết trên TTCK; mở rộng hơn nữa danh mục ngành – nghề mà các NĐTNN được phép đầu tư; đồng thời sớm ban hành Quy chế thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện CTQLQ nước ngoài.

Thứ ba, khuyến khích sử dụng nguồn thu từ BHNT để đầu tư vào TTCK thông qua việc đầu tư và trở thành cổ đông hoặc sáng lập viên của QĐTCK.

3.3.2. Về hoạt động đầu tư

Thứ nhất, duy trì hạn mức đầu tư và xây dựng cơ chế tự đánh giá rủi ro trong nội bộ NĐT có tổ chức.

Thứ hai, hoàn thiện và phát triển những quy định về các công cụ phòng ngừa rủi ro.

3.3.3. Về hoạt động cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

Để tăng cường tính minh bạch trong hoạt động cung cấp và công bố thông tin, quy định của pháp luật cần khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện mô hình quản trị công ty Ưu việt.

Nhà nước cần có quy định về lộ trình thực hiện mô hình quản trị công ty Ưu việt đối với các công ty Cổ phần ở Việt Nam. Mô hình này đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực sự chủ động và cởi mở trong việc công khai hóa các thông tin về công ty cũng như phải thành lập bộ phận quan hệ với NĐT.

3.3.4. Các giải pháp khác

Thứ nhất, ưu đãi thuế nhằm kích thích các NĐT chuyên nghiệp, NĐTNN đầu tư vào Việt Nam.

Thứ hai, triển khai các sản phẩm mới để thúc đẩy các loại hình quỹ mới như quỹ mở, quỹ ETF, quỹ bất động sản, quỹ hưu trí... nhằm tăng thanh khoản và sức cầu.

Thứ ba, nâng cao năng lực và trách nhiệm của QĐTCK.

Thứ tư, cần nhân rộng mô hình QĐTCK.

Kết luận chương 3

Nhận thấy rằng bên cạnh những mặt tích cực, QĐTCK cũng có những mặt tiêu cực, điều này thường được bộc lộ rõ nét ở các quốc gia có TTCK mới nổi, pháp luật điều chỉnh còn lỏng lẻo, chưa hoàn thiện. Các hiện tượng tiêu cực dễ nảy sinh trên TTCK như mua bán nội gián, hành vi lũng đoạn thị trường, thao túng giá chứng khoán, thông tin sai sự thật, có thể gây thiệt hại cho NĐT, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia TTCK. Thêm vào đó, TTCK là một loại thị trường hàng hoá đặc biệt, hoạt động rất nhạy cảm, có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, đại diện cho những nhóm quyền lợi khác nhau (quyền lợi của NĐT; chủ thể phát hành, niêm yết; chủ thể kinh doanh chứng khoán). Để dung hoà được lợi ích của những chủ thể này là điều không đơn giản. Thiên chức của pháp luật là phải điều chỉnh các quan hệ trên thị trường sao cho đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của họ, đặc biệt là vấn đề bảo vệ quyền lợi của NĐT, tạo sự minh bạch trong hoạt động mua, bán chứng khoán, sự cạnh tranh lành mạnh tạo đà cho sự phát triển của TTCK.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hoạt động của QĐTCK cũng xuất phát từ kinh nghiệm phát triển của các nước trên thế giới. Lịch sử phát triển TTCK cho thấy, TTCK phải trả giá đắt khi nó phát triển một cách tự phát, thiếu vắng sự bảo đảm bằng các biện pháp pháp lý. Hay nói cách khác, luật pháp là một công cụ rất hữu hiệu có thể quyết định tới sự phát triển của TTCK nói chung và QĐTCK nói riêng ở mỗi quốc gia.

Chương 3 của luận văn Thạc sỹ là những trình bày về phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động của QĐTCK ở Việt Nam. Các giải pháp kiến nghị chính tập trung vào việc hoàn thiện pháp luật trong hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư và hoạt động cung cấp thông tin cho NĐT của QĐTCK.

KẾT LUẬN

Sự tồn tại và phát triển của QĐTCK trên TTCK các nước trên thế giới nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng là một tất yếu khách quan. Hơn nữa, nó còn là sản phẩm trực tiếp của quá trình phân công lao động xã hội đối với thị trường tài chính mà trước hết đó là TTCK. Hoạt động của các QĐTCK không những không bị giới hạn trong phạm vi của một quốc gia, mà nó còn phát triển trên phạm vi quốc tế và là một trong những nhân tố rất quan trọng của quá trình hội nhập – toàn cầu hoá thị trường tài chính hiện đại. Chính vì vậy, sự ra đời và phát triển của các QĐTCK ở Việt Nam không những là sản phẩm tất yếu của thị trường tài chính mà còn là quá trình cải cách chính trị – kinh tế – xã hội, là sự quyết tâm của Nhà nước và các cơ quan chức năng trong việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang mô hình nền kinh tế thị trường.

Đề tài “**Pháp luật về hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán ở Việt Nam**” đã thể hiện được những nội dung chủ yếu sau đây: (i) Trình bày chi tiết, cụ thể và toàn diện về khái niệm, đặc điểm, các căn cứ phân loại QĐTCK, các loại hình QĐTCK, vai trò và hoạt động của QĐTCK. (ii) Trình bày, phân tích và đánh giá tổng quan pháp luật về thị trường tài chính và TTCK Việt Nam, đặc biệt đi sâu vào thực trạng pháp luật về hoạt động của QĐTCK trên TTCK Việt Nam. Trên cơ sở đó, phân tích và đánh giá những mặt tích cực – hạn chế, chỉ ra đâu là những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó. (iii) Đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như nâng cao vai trò pháp luật về hoạt động của QĐTCK trên TTCK Việt Nam.

Tôi hy vọng rằng, với những đề xuất trên sẽ là những gợi ý hữu ích giúp cho các cơ quan hữu quan trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, thực thi các giải pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi giúp cho các QĐTCK phát huy hơn nữa vai trò của mình, góp phần thúc đẩy TTCK Việt Nam phát triển bền vững và hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội./.